

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3500686978

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 01 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 24, ngày 30 tháng 09 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIC HOLDINGS CONSTRUCTION JSC

Tên công ty viết tắt: DIC cons

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tòa nhà Ruby Tower - Số 12, đường 3 tháng 2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0254.3613518

Fax: 0254.3585070

Email: info@diccons.vn

Website: www.diccons.vn

3. Vốn điều lệ: 577.492.670.000 đồng.

Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 57.749.267

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ ĐÌNH THẮNG

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 05/02/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038076018903

Ngày cấp: 02/10/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 72/86E5 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: (F1+F2) Số 86F1 Lê Văn Lộc, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam



**CÔNG CHỨNG VIÊN
DƯƠNG VĂN HOÀNG**



TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH

Nguyễn Văn Trường

Số : 01/NQ-ĐHCĐ.2024

Vũng Tàu, Ngày 26 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings.
- Căn cứ nội dung các báo cáo và tờ trình do HĐQT và Ban điều hành trình bày đã được Đại hội thông qua.
- Căn cứ các nội dung thảo luận và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 04 năm 2024.
- Căn cứ Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings ngày 26/04/2024 đã thảo luận và nhất trí biểu quyết thông qua các quyết nghị như sau :

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024. (Kèm theo báo cáo).

Với tỷ lệ tán thành là : 99,74 % cổ phần biểu quyết

Điều 2. Thông qua Báo cáo Tổng kết hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2024. (Kèm theo báo cáo)

(1) **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023**

(Đvt : tỷ đồng)

S T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023		Kết quả thực hiện năm 2023 (tỷ đồng)					
		Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất			Công ty mẹ		
				Thực hiện năm 2023	Thực hiện so với kế hoạch 2023	Thực hiện so với năm 2022	Thực hiện năm 2023	Thực hiện so với kế hoạch 2023	Thực hiện so với năm 2022
1	Tổng Sản lượng	706	678	756,3	107%	133%	747,1	110%	137%
2	Tổng Doanh thu	510	500	581,7	114%	217%	573,6	115%	222%
3	Lợi nhuận sau thuế	2.4	9.2	107,1	4.461%		122,9	1.336%	1.035%

(2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

(Đvt : tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024 (tỷ đồng)			
		Hợp nhất		Công ty mẹ	
		Kế hoạch (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với thực hiện năm 2023 (%)	Kế hoạch (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với thực hiện năm 2023 (%)
1	Tổng Sản lượng	886	117%	830	111%
2	Tổng Doanh thu	832	143%	800	139%
3	Lợi nhuận sau thuế	110	103%	113	92%
4	Chia cổ tức/vốn điều lệ	10%	100%		

Với tỷ lệ tán thành là : 99,72 % cổ phần biểu quyết

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán (bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ).

Với tỷ lệ tán thành là : 99,68% cổ phần biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.

1 - Tổng lợi nhuận :	128.749.545.599	đồng
Trong đó :		
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 :	107.358.961.940	đồng
- Lợi nhuận sau thuế các năm trước còn lại :	21.390.583.659	đồng
2 - Phân phối vào các quỹ :	73.971.512.388	đồng
* Chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ bằng 10% vốn điều lệ (bằng cổ phiếu):	52.499.723.000	đồng
* Quỹ Phúc lợi (bằng 5% lợi nhuận năm 2023) :	5.367.948.097	đồng
* Quỹ khen thưởng (bằng 10% lợi nhuận năm 2023) :	10.735.896.196	đồng
* Quỹ đầu tư phát triển (bằng 5% lợi nhuận năm 2023):	5.367.948.097	đồng
3 - Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối :	54.778.030.211	đồng

Với tỷ lệ tán thành là : 82,89% cổ phần biểu quyết.

Điều 5. Thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings (DC4) thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024 với các nội dung chính như sau:

- Vốn điều lệ hiện tại: 524.997.230.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 52.499.723 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 34.124.819 cổ phiếu, trong đó:

- ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành chi trả cổ tức năm 2023: 5.249.972 cổ phiếu
- ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm chào bán ra công chúng: 28.874.847 cổ phiếu
- **Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá):** 341.248.190.000 đồng
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành:** 86.624.542 cổ phiếu
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Phương thức phát hành:** (1) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023, và (2) Phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu

(Đính kèm tờ trình 05/TT-ĐHCD.2024)

Với tỷ lệ tán thành 82,89% cổ phần biểu quyết.

Điều 6. Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 5 (2023-2028).

1- Đại hội thông qua miễn nhiệm Bà Lê Thu Trang - thành viên HĐQT theo đơn từ nhiệm
Với tỷ lệ tán thành là: 99,68% cổ phần biểu quyết.

2- Đại hội đã **bỏ phiếu bầu Bà Trần Thị Thu** làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 5 (2023-2028).

Với tỷ lệ tán thành là: 99,97 % cổ phần biểu quyết.

Điều 7. Thông qua Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán năm 2023. (kèm theo báo cáo)

Với tỷ lệ tán thành là : 99,32 % cổ phần biểu quyết

Điều 8. Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện các dự án năm 2023 và Kế hoạch đầu tư các dự án năm 2024. (kèm theo báo cáo)

Với tỷ lệ tán thành là : 99,74 % cổ phần biểu quyết

Điều 9. Thông qua Báo cáo chi trả thù lao và phụ cấp cho Hội đồng quản trị và bộ phận giúp việc năm 2023; Kế hoạch chi trả thù lao và phụ cấp năm 2024. (kèm theo tờ trình)

Với tỷ lệ tán thành là : 99,52% cổ phần biểu quyết

Điều 10. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2024.

Đại hội Ủy quyền cho HĐQT được lựa chọn một trong 03 Công ty kiểm toán sau để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty dựa trên tiêu chí đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

- (1) Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế.
- (2) Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
- (3) Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt nam

Trường hợp Công ty không thương thảo ký kết hợp đồng kiểm toán được với các Công ty kiểm toán trên (hoặc 03 đơn vị kiểm toán trên không được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 cho các đơn vị có lợi ích công chúng) thì ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán khác đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo lợi ích cho Công ty.

Với tỷ lệ tán thành là : 99,49% cổ phần biểu quyết

Điều 11. Thông qua thay đổi hình thức hợp tác đầu tư dự án Chung cư A2-1 với DIC Group. (Kèm theo tờ trình)

Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật của Công ty :

- Quyết định các điều khoản, điều kiện cụ thể của các giao dịch và hợp đồng EPC; các thỏa thuận, tài liệu liên quan đến các giao dịch, kể cả việc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các giao dịch/hợp đồng EPC liên quan (nếu có).
- Ký kết và triển khai thực hiện các giao dịch/ hợp đồng EPC, thỏa thuận, tài liệu liên quan đến các giao dịch/hợp đồng EPC, kể cả việc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các giao dịch liên quan (nếu có).

Với tỷ lệ tán thành là: 67,64 % cổ phần biểu quyết.

(Đã loại 18.841.340 (cổ phần) phiếu biểu quyết của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng, do có quyền lợi liên quan).

Điều 12. Thông qua ký hợp đồng mua các sản phẩm tại dự án Chung cư A2-1 của DIC Group. (Kèm theo tờ trình)

Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT - Người đại diện pháp luật của Công ty :

- Quyết định các điều khoản, điều kiện cụ thể của các giao dịch và các hợp đồng mua bán; các thỏa thuận, tài liệu liên quan đến các giao dịch, kể cả việc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các giao dịch/hợp đồng liên quan (nếu có) của dự án Chung cư A2-1.
- Ký kết và triển khai thực hiện các giao dịch/ hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu liên quan đến các giao dịch/hợp đồng, kể cả việc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế các giao dịch liên quan (nếu có) của dự án Chung cư A2-1.

Với tỷ lệ tán thành là : 67,64 % cổ phần biểu quyết.

(Đã loại 18.841.340 (cổ phần) phiếu biểu quyết của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng, do có quyền lợi liên quan).

Điều 13. Thông qua kế hoạch hạn mức tín dụng năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương vay vốn phục vụ đầu tư và sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

TT	Hình thức huy động vốn	Hạn mức vay 2023	Kế hoạch hạn mức vay 2024	Tăng/giảm
1	Vay ngân hàng	1.270	1.500	+230
	- Vay ngắn hạn	770	1.000	+230
	+ Hạn mức vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thanh toán	570	500	-70
	+ Hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán)	200	500	+300
	- Vay dài hạn	500	500	0
2	Vay khác (Huy động từ CBCNV, công ty tài chính, cá nhân khác)			
	Tổng cộng	1.270	1.500	+230

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị: Thế chấp tài sản, quyền đòi nợ của Công ty và phê duyệt các tài liệu liên quan đến hồ sơ vay vốn; điều chỉnh hạn mức vay; hình thức vay, Ngân hàng vay vốn, để phù hợp với tình hình thực tế tại thời điểm thực hiện và theo phê duyệt của đơn vị tài trợ vốn, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

Với tỷ lệ tán thành là: 82,53 % cổ phần biểu quyết

Điều 14. Thông qua nghị quyết đại hội

- Nghị quyết đã được 100% cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2024.
- HĐQT, Ban điều hành Công ty và các cổ đông có trách nhiệm triển khai thực hiện có hiệu quả cao nhất tinh thần và nội dung nghị quyết này. Nghị quyết được công bố trên các kênh thông tin đại chúng của Sở giao dịch chứng khoán TP HCM; Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và trang website của Công ty tại địa chỉ <http://diccons.vn>

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Bùi Đình Phong Nguyễn Thị Thu Hằng



Lê Đình Thắng

Nơi nhận :

- Cổ đông Công ty, CBTT;
- UBCKNN/SGDCKTP.HCM;
- HĐQT, Ban TGD, UBKT;
- Lưu HSDH.



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Đình Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 12 năm 2024

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Số : 05/TT-ĐHCD.2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(V/v: Thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh và mục tiêu phát triển của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings.

Hội đồng quản trị (HDQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings (DC4) xem xét và thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024 với các nội dung chính như sau:

- **Vốn điều lệ hiện tại:** 524.997.230.000 đồng
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 52.499.723 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 34.124.819 cổ phiếu, trong đó:
 - ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành chi trả cổ tức năm 2023: 5.249.972 cổ phiếu
 - ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm chào bán ra công chúng: 28.874.847 cổ phiếu
- **Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá):** 341.248.190.000 đồng
- **Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành:** 86.624.542 cổ phiếu
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Phương thức phát hành:** (1) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023, và (2) Phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu
- **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu

Chi tiết Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024 của Công ty như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023:

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
2. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
3. **Vốn điều lệ hiện tại :** 524.997.230.000 đồng.
4. **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :** 52.499.723 cổ phiếu.
5. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành :** 5.249.972 cổ phiếu.

6. **Tổng giá trị phát hành dự kiến** (theo mệnh giá) : 52.499.720.000 đồng.
 7. **Số lượng cổ phiếu sau khi thực hiện chi trả cổ tức năm 2023** (Dự kiến): 57.749.695 cổ phiếu.
 8. **Nguồn vốn phát hành:** Từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán.
 9. **Tỷ lệ trả cổ tức:** 10%
 10. **Đối tượng phát hành:** Toàn bộ Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.
 11. **Phương thức phát hành:**
 - Tỷ lệ thực hiện: 10:1
 - Phương thức thực hiện:
 - ✓ Tại ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì có 01 quyền, tỷ lệ phân bổ quyền là 10:1, nghĩa là 10 quyền sẽ được chia thêm 01 cổ phiếu mới phát hành. Số cổ phiếu mới nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ.
 - ✓ Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 108 cổ phiếu, theo tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (tương đương 10%), cổ đông A được nhận là $(108/10) \times 1 = 10,8$ cổ phiếu. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ được nhận 10 cổ phiếu, 0,8 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
 12. **Thời gian thực hiện dự kiến:** Quý 2/2024, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày được UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.
 13. **Đăng ký lưu ký và Niêm yết bổ sung:** Số cổ phiếu phát hành thêm để chi trả cổ tức năm 2023 sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
 14. **Ủy quyền cho HĐQT quyết định:**
 - Lựa chọn tổ chức tư vấn và thời điểm thích hợp để thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023;
 - Chủ động thực hiện các công việc và thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật nhằm hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 bao gồm nhưng không giới hạn: chuẩn bị Tài liệu báo cáo phát hành báo cáo UBCKNN; chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh Tài liệu báo cáo phát hành theo yêu cầu của UBCKNN; thực hiện phương án phát hành sau khi được UBCKNN thông báo đã nhận đầy đủ Tài liệu báo cáo phát hành...;
 - Thời điểm cụ thể phân phối cổ phiếu sau khi được UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành;
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan tới việc thay đổi mức Vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành và báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất; thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức Vốn điều lệ mới.
- II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU CHÀO BÁN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU (CĐHH):**
- A. **Sự cần thiết, mục đích của Phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho CĐHH:**

Mục đích phát hành thêm cổ phiếu chào bán ra công chúng năm 2024 của Công ty nhằm mục đích thanh toán các khoản nợ Ngân hàng và Khách hàng của Công ty để giảm bớt rủi ro tài chính và nâng cao uy tín trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - B. **Phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho CĐHH:**

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.
2. **Mệnh giá cổ phiếu :** 10.000 đồng/cổ phiếu.
3. **Vốn điều lệ hiện tại:** 524.997.230.000 đồng.
4. **Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023 (Dự kiến):** 577.496.950.000 đồng.
5. **Số lượng cổ phiếu sau khi chi trả cổ tức năm 2023 (Dự kiến):** 57.749.695 cổ phiếu.
6. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành chào bán cho CĐHH:** 28.874.847 cổ phiếu.
7. **Tổng giá trị phát hành chào bán cho CĐHH dự kiến (theo mệnh giá):** 288.748.470.000 đồng
8. **Số lượng cổ phiếu sau phát hành thêm chào bán cho CĐHH (Dự kiến):** 86.624.542 cổ phiếu.
9. **Đối tượng phát hành:** Toàn bộ Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
10. **Phương thức phát hành**
 - Tỷ lệ thực hiện: 2:1
 - Phương thức thực hiện:
 - ✓ Tại ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì có 01 quyền, tỷ lệ phân bổ quyền là 2:1, nghĩa là 02 quyền sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành. Số cổ phiếu mới cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng được phép chào bán.
 - ✓ Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 105 cổ phiếu, theo tỷ lệ thực hiện quyền 2:1, cổ đông A được mua là $105:2 = 52,5$ cổ phiếu. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ được mua 52 cổ phiếu.
11. **Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu**
 Giá chào bán được xây dựng trên cơ sở xem xét giá trị sổ sách 01 cổ phiếu DC4 tại thời điểm 31/12/2023 là: 13.342 đồng/cổ phiếu (theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán) và giá giao dịch 01 cổ phiếu DC4 trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) ngày 29/03/2024 là: 11.800 đồng/cổ phiếu (tương đương giá điều chỉnh kỹ thuật sau khi chia cổ tức năm 2023 là: 10.725 đồng/cổ phiếu)

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị sổ sách trên} & & \text{Vốn chủ sở hữu – Lợi ích} & & (702.031.534.400 \\ \text{01 cổ phiếu DC4} & & \text{cổ đông không kiểm soát} & & - 1.584.856.664) \\ \text{(trước khi trả cổ tức} & = & \text{Tổng số lượng cổ phiếu} & = & \text{52.499.823} \\ \text{năm 2023)} & & \text{đang lưu hành} & & \\ & & & & \text{13.342} \\ & & & & \text{đồng/cổ} \\ & & & & \text{phiếu} \end{array}$$

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị sổ sách trên} & & & & \\ \text{01 cổ phiếu DC4} & = & \frac{(702.031.534.400 - 1.584.856.664)}{57.749.605} & = & 12.129 \text{ đồng/cổ phiếu} \\ \text{(sau khi trả cổ tức} & & & & \\ \text{năm 2023)} & & & & \end{array}$$

Sau khi đã xem xét tình hình tài chính của Công ty, cân nhắc lợi ích của các cổ đông và nhu cầu vốn của Công ty, Hội đồng quản trị đề xuất mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu (bằng khoảng 82,4% giá trị sổ sách Công ty sau khi trả cổ tức năm 2023).

Tổng giá trị phát hành theo giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu là: **288.748.470.000** đồng.

12. **Quy định về cổ phiếu phát hành và chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành:**
- Cổ phiếu phát hành là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng
 - Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng cho người thứ 3).
13. **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết (nếu có):**
- Đối với toàn bộ số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu các cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị được toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán (kể cả các cổ đông trong Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) số cổ phiếu chưa phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu) mà không cần phải thực hiện lấy ý kiến ĐHĐCĐ và không cần phải thực hiện chào mua công khai kể cả trong các trường hợp sau:
 - + Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu phải chào mua công khai.
 - + Chào bán, phát hành dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của một tổ chức hoặc cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân, người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của DC4.
 - Số cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho đối tượng khác này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Những người có quyền lợi liên quan đến việc phân phối cổ phiếu không được tham gia biểu quyết
 - Trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư.
 - Việc phân phối cổ phiếu chưa bán hết phải tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ và đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
14. **Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu:**
- Sau khi hoàn tất đợt phát hành chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, toàn bộ số tiền thu được dự kiến là: **288.748.470.000** đồng, sẽ được sử dụng cho mục đích thanh toán các khoản nợ của Ngân hàng và Khách hàng của Công ty dự kiến như sau:
- **Trả nợ Ngân hàng:** 200.000.000.000 đồng
 - **Trả nợ Khách hàng:** 88.748.470.000 đồng
- (Chi tiết sử dụng vốn dự kiến theo 02 (hai) bảng kê đính kèm Tờ trình).
- Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán theo thứ tự ưu tiên như sau nhằm đảm bảo hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty, cho cổ đông: Ưu tiên **trả nợ Ngân hàng** trước theo thứ tự ưu tiên về thời hạn trả nợ, tiếp theo là **trả nợ Khách hàng** theo thứ tự ưu tiên giá trị khoản nợ từ lớn tới nhỏ.
15. **Thời gian thực hiện dự kiến:** Quý 3/2024, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
16. **Rủi ro của việc pha loãng cổ phiếu**

Sau khi hoàn tất chia cổ tức bằng cổ phiếu và đợt phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho CDHH số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân của Công ty sẽ được tăng lên đồng thời giá cổ phiếu cũng bị điều chỉnh giảm đi dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phiếu. Đợt phát hành được dự kiến thực hiện trong Quý 2 và Quý 3 năm 2024 nên có thể dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phiếu trong năm 2024. Nhà đầu tư cần xem xét một số vấn đề sau:

a. Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)

Cách tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ} - \text{Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}^1}{\text{KLCP đang lưu hành}}$$

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2023: Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 107,3 tỷ đồng gấp khoảng 100 lần so với năm 2022. EPS trong 4 quý gần nhất tính đến ngày 31/12/2023 đạt 2.045 đồng/cổ phiếu. EPS năm 2024 của DC4 trước và sau khi phát hành thêm cổ phiếu như sau:

$$\text{EPS}_{4 \text{ quý gần nhất}} \text{ (Tính đến 31/12/2023)} = \frac{\text{LNST của cổ đông của công ty mẹ 4 quý gần nhất}}{\text{KLCP lưu hành BQ 4 quý gần nhất (*)}} = \frac{107.358.961.940}{52.499.723} = 2.045 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

$$\text{EPS}_{\text{dự kiến năm 2024}} \text{ (Trường hợp DC4 không phát hành thêm cổ phiếu)} = \frac{\text{LNST của cổ đông của công ty mẹ 2024 (dự kiến)}}{\text{KLCP lưu hành BQ trong năm 2024 (*)}} = \frac{110.000.000.000}{52.499.723} = 2.095 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

$$\text{EPS}_{\text{dự kiến năm 2024}} \text{ (Trường hợp DC4 phát hành thêm cổ phiếu)} = \frac{\text{LNST của cổ đông của công ty mẹ 2024 (dự kiến)}}{\text{KLCP lưu hành BQ trong năm 2024 (*)}} = \frac{110.000.000.000}{59.937.183} = 1.835 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

(*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân 4 quý gần nhất tính đến 31/12/2023 = 52.499.723 cổ phiếu.

(*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2024 của DC4 (trong trường hợp không phát hành thêm cổ phiếu) = 52.499.723 cổ phiếu.

(*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2024 của DC4 (trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu thành công) = $(52.499.723 \cdot 6 + 57.749.695 \cdot 4 + 86.624.542 \cdot 2) / 12 = 59.937.183$ cổ phiếu.

Trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu thành công, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2024 tăng thêm 14% trong khi Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ năm 2024

¹Công ty không có cổ phiếu ưu đãi

dự kiến tăng thêm 2% so với năm 2023 chỉ hạn chế một phần nhỏ rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS).

b. Pha loãng tỷ lệ biểu quyết

Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu được phân phối theo tỷ lệ dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

c. Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

$$P_{tc} = \frac{P_r}{1 + I}$$

- Phát hành thêm cổ phiếu để chào bán cho CĐHH: trường hợp phát hành cho CĐHH với mức giá thấp hơn giá thị trường thì mức giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật theo công thức:

$$P_{tc} = \frac{P_r + (I \times P)}{1 + I}$$

Trong đó: P_{tc} là giá tham chiếu

- P_r là giá đóng cửa ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- I là tỷ lệ chi trả cổ tức/ tỷ lệ vốn tăng thêm theo phương án phát hành
- P là giá chào bán

Ví dụ: Giả sử giá đóng cửa của cổ phiếu ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 15.000 đồng/CP. Tỷ lệ tăng vốn cho CĐHH là 50%, giá bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Như vậy giá tham chiếu ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm là:

$$P_{tc} = \frac{15.000 + (50\% \times 10.000)}{1 + 50\%} = 13.333 \text{ đồng}$$

15. **Đăng ký lưu ký và Niêm yết bổ sung:** Số cổ phiếu phát hành thêm chào bán cho CĐHH sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) ngay sau khi hoàn tất việc phát hành. Công ty cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung cho số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

16. **ĐHĐCĐ Ủy quyền cho HĐQT** quyết định:

- Lựa chọn tổ chức tư vấn và thời điểm thích hợp để thực hiện phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho CĐHH sao cho có lợi nhất cho cổ đông và cho Công ty;
- Chủ động thực hiện các công việc và thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành nhằm hoàn thành phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho CĐHH bao gồm nhưng không giới hạn: chuẩn bị Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng xin phép UBCKNN; quyết định chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho CĐHH và Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng theo yêu cầu của UBCKNN; thực hiện phương án phát hành sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán...;

- Thời điểm cụ thể, phương thức phân phối cổ phiếu sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Chủ động chào bán số lượng cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) cho đối tượng khác (kể cả các cổ đông trong Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá chào bán cho CĐHH (không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Xây dựng phương án sử dụng vốn cụ thể, cân đối việc phân bổ và sử dụng hợp lý số tiền thu được từ đợt chào bán đúng với mục đích phát hành đã được thông qua. Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT được quyết định điều chỉnh, bổ sung mục đích phát hành và thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán nhằm đảm bảo hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty, cho cổ đông và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VDSC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành theo quy định pháp luật hiện hành;
- Thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty liên quan tới việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp với mức Vốn điều lệ mới sau phát hành.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu tăng Vốn điều lệ năm 2024 bao gồm: (1) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023, và (2) Phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!



LÊ ĐÌNH THẮNG

Số: 17/NQ-HĐQT.NK5

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 05 năm 2024

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Triển khai thực hiện Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024, thông qua Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 17/BB-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024 về việc triển khai Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024, thông qua Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai thực hiện Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024 đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024 như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
3. Vốn điều lệ hiện tại: 524.997.230.000 đồng.
4. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 52.499.723 cổ phiếu.
5. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 5.249.972 cổ phiếu.
6. Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá): 52.499.720.000 đồng.
7. Số lượng cổ phiếu sau khi thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 (Dự kiến): 57.749.695 cổ phiếu.
8. Nguồn vốn phát hành: Từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán.
9. Tỷ lệ trả cổ tức: 10%.
10. Đối tượng phát hành: Toàn bộ Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.
11. Phương thức phát hành:
 - Tỷ lệ thực hiện: 10:1
 - Phương thức thực hiện:
 - ✓ Tại ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì có 01 quyền, tỷ lệ phân bổ quyền là 10:1, nghĩa là 10 quyền sẽ được chia thêm 01 cổ phiếu mới phát hành. Số cổ phiếu mới nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ hủy bỏ.



✓ Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 108 cổ phiếu, theo tỷ lệ thực hiện quyền 10:1 (tương đương 10%), cổ đông A được nhận là $(108/10) \times 1 = 10,8$ cổ phiếu. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ được nhận 10 cổ phiếu, 0,8 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

12. **Thời gian thực hiện dự kiến:** Quý 2/2024, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày được UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU CHÀO BÁN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU (CĐHH):

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông.

2. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu.

3. **Số lượng cổ phiếu sau khi chi trả cổ tức năm 2023 (Dự kiến):** 57.749.695 cổ phiếu.

4. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành chào bán cho CĐHH:** 28.874.847 cổ phiếu.

5. **Tổng giá trị phát hành chào bán cho CĐHH dự kiến (theo mệnh giá):** 288.748.470.000 đồng.

6. **Số lượng cổ phiếu sau phát hành thêm chào bán cho CĐHH (Dự kiến):** 86.624.542 cổ phiếu.

7. **Đối tượng phát hành:** Toàn bộ Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.

8. Phương thức phát hành

- Tỷ lệ thực hiện: 2:1

- Phương thức thực hiện:

✓ Tại ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu thì có 01 quyền, tỷ lệ phân bổ quyền là 2:1, nghĩa là 02 quyền sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới phát hành. Số cổ phiếu mới cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng được phép chào bán.

✓ Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 105 cổ phiếu, theo tỷ lệ thực hiện quyền 2:1, cổ đông A được mua là $105:2 = 52,5$ cổ phiếu. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ được mua 52 cổ phiếu.

9. **Giá chào bán:** 10.000 đồng/cổ phiếu.

10. Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu:

Sau khi hoàn tất đợt phát hành chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, toàn bộ số tiền thu được dự kiến là: **288.748.470.000** đồng, sẽ được sử dụng cho mục đích thanh toán các khoản nợ của Ngân hàng và Khách hàng của Công ty dự kiến như sau

- **Trả nợ Ngân hàng:** 200.000.000.000 đồng.

- **Trả nợ Khách hàng:** 88.748.470.000 đồng.

(Chi tiết phương án sử dụng vốn dự kiến cho từng hạng mục đính kèm Tờ trình 05/TT-ĐHCD.2024 ngày 26/04/2024)

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, HĐQT được ĐHCĐ ủy quyền quyết định phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán theo thứ tự ưu tiên như sau nhằm đảm bảo hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty, cho cổ đông: Ưu tiên **Trả nợ Ngân hàng** trước theo thứ tự ưu tiên về thời hạn trả nợ, tiếp theo là **Trả nợ Khách hàng** theo thứ tự ưu tiên giá trị khoản nợ từ lớn tới nhỏ.

11. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết (nếu có):

- HĐQT được ĐHCĐ ủy quyền toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và không cần phải thực hiện chào mua công khai kể cả trong các trường hợp sau:

- ✓ Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu phải chào mua công khai.
 - ✓ Chào bán, phát hành dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của một tổ chức hoặc cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân, người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của DC4.
- Số cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho đối tượng khác này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
12. **Thời gian thực hiện dự kiến:** Quý 3/2024, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Điều 2: Thông qua Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 bao gồm nhưng không giới hạn:

- Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023;
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2022 thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024;
- Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 số 01/BB-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024;
- Tờ trình số 05/TT-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024 về Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024 về việc triển khai thực hiện Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024, thông qua Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Biên bản họp HĐQT số 17/BB-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024;
- Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2023;
- Và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023.

Điều 3: Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của CTCP Xây dựng DIC Holdings bao gồm nhưng không giới hạn:

- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản cáo bạch;
- Điều lệ Công ty;
- Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất các năm 2022, 2023, BCTC Riêng và Hợp nhất quý 1/2024;
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2022 thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024;
- Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 số 01/BB-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024;
- Tờ trình số 05/TT-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024 về Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024 về việc triển khai thực hiện Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024, thông qua Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Biên bản họp HĐQT số 17/BB-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024;
- Văn bản cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;



DUNG

07
H. OF DIC. J

0888

- Văn bản xác nhận của ngân hàng số 0758/BIDV.BRVT ngày 07/05/2024 về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- Công văn số 6756/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
- Hợp đồng tư vấn phát hành thêm cổ phiếu số 01/2024/HĐDV/DC4-FNS ngày 08/04/2024;
- Các tài liệu chứng minh sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng;
- Và các tài liệu khác liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu chào bán ra công chúng.

Điều 4: Hội đồng quản trị cam kết:

- Đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán: Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Đảm bảo đợt phát hành thêm cổ phiếu chào bán ra công chúng tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Thực hiện đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức năm 2023, cổ phiếu phát hành thêm chào bán thành công ra công chúng tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) ngay sau khi hoàn tất các đợt phát hành. Công ty cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung cho số lượng cổ phiếu phát hành thêm chào bán thành công ra công chúng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

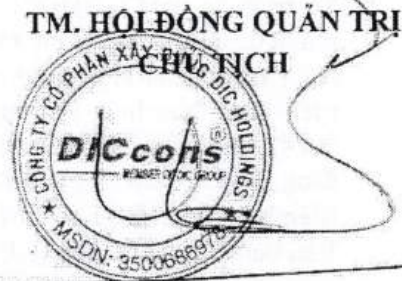
Điều 5: Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT:

- Chỉ đạo, phân công các bộ phận liên quan triển khai việc xin phép phát hành thêm cổ phiếu với Ủy ban chứng khoán nhà nước theo Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024 đã được ĐHCĐ thông qua và thực hiện các thủ tục pháp lý tiếp theo để việc chào bán được hoàn thành theo quy định của pháp luật trong thời gian sớm nhất. Định kỳ báo cáo lại với Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện cũng như các vấn đề phát sinh (nếu có);
- Phê duyệt chi tiết các tài liệu, hồ sơ bao gồm cả việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn thành các đợt phát hành và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên Vốn điều lệ mới.

Điều 6: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này, đảm bảo quyền lợi của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Đình Thắng

LÊ ĐÌNH THẮNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 10 tháng 12 năm 2024.



Số: 20/NQ-HĐQT.NK5

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 06 năm 2024

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: *Chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng*)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD.2024 ngày 26/04/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 20/BB-HĐQT.NK5 ngày 27/06/2024 về việc Chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

QUYẾT NGHỊ

Nhằm chỉnh sửa và bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024 của Công ty theo yêu cầu tại công văn số 3927/UBCK-QLCB ngày 25/06/2024 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí thông qua các nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Thông qua chỉnh sửa “Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết (nếu có)”:

1. Theo Nghị quyết HĐQT số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024:

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết (nếu có):

- HĐQT được ĐHCĐ ủy quyền toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và không cần phải thực hiện chào mua công khai kể cả trong các trường hợp sau:
 - ✓ Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu phải chào mua công khai.
 - ✓ Chào bán, phát hành dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của một tổ chức hoặc cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân, người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của DC4.
- Số cổ phiếu chưa phân phối hết được chào bán cho đối tượng khác này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

2. **Chỉnh sửa:**

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu không chào bán hết (nếu có):

- Đối với toàn bộ số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu các cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) HĐQT được ĐHCĐ ủy quyền toàn quyền quyết định về điều kiện và đối tượng dự kiến chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ và đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Trường hợp tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác nhưng vẫn không phân phối hết thì Công ty thực hiện tăng vốn theo số vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư.

Điều 2: Thông qua việc thay đổi trả nợ một số khoản vay ngân hàng mà Công ty dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành chào bán cổ phiếu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 nhằm đảm bảo sự phù hợp với thời gian thực tiễn triển khai phương án phát hành:

1. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.2024:

DVT: Đồng

I Ngân hàng BIDV - Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD							
STT	Số hiệu tài khoản vay	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	406000320779	1.015.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	895.548.489	04/09/24
2	404000328701	6.211.548.399	8,5	11	TT vật tư, nhân công	6.211.548.399	05/09/24
3	405000342940	3.106.094.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.106.094.000	09/09/24
4	408000370206	5.805.584.433	8,5	11	TT vật tư, nhân công	5.805.584.433	13/09/24
5	407000396379	4.572.832.485	8,5	11	TT vật tư, nhân công	4.572.832.485	19/09/24
6	402000412867	2.189.316.915	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.189.316.915	23/09/24
7	401000414035	1.200.893.520	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.200.893.520	24/09/24
8	402000425062	2.493.942.888	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.493.942.888	25/09/24
9	407000453011	1.183.182.100	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.183.182.100	30/09/24
10	404000447212	5.490.774.708	8,5	11	TT vật tư, nhân công	5.490.774.708	30/09/24
11	403000479884	5.893.149.296	8,5	11	TT vật tư, nhân công	5.893.149.296	07/10/24
12	403000480163	3.000.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.000.000.000	07/10/24
13	400000491740	3.342.997.232	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.342.997.232	08/10/24
14	408000499657	1.442.590.610	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.442.590.610	09/10/24
15	409000511400	4.653.911.735	8,5	11	TT vật tư, nhân công	4.653.911.735	10/10/24
16	401000548902	3.098.897.973	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.098.897.973	17/10/24
17	402000554317	3.000.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.000.000.000	21/10/24
18	403000585269	2.078.421.056	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.078.421.056	24/10/24
19	400000585253	1.002.701.518	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.002.701.518	24/10/24
20	400000594823	552.428.488	8,5	11	TT vật tư, nhân công	552.428.488	28/10/24
21	402000594785	2.138.590.530	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.138.590.530	28/10/24
22	400000588672	2.755.218.792	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.755.218.792	28/10/24

23	408000591989	820.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	820.000.000	28/10/24
24	401000626518	684.048.655	8,5	11	TT vật tư, nhân công	684.048.655	04/11/24
II Ngân hàng VRB							
STT	Số hợp đồng	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	44HM.042/2022 /153289/HĐTD	540.151.680	8,5	11	TT vật tư, nhân công	540.151.680	06/09/24
2	45HM.042/2022 /153289/HĐTD	888.268.359	8,5	11	TT vật tư, nhân công	888.268.359	04/09/24
3	46HM.042/2022 /153289/HĐTD	1.693.509.309	8,5	11	TT vật tư, nhân công	1.693.509.309	06/09/24
4	47HM.042/2022 /153289/HĐTD	2.155.788.076	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.155.788.076	04/09/24
5	48HM.042/2022 /153289/HĐTD	2.500.000.000	8,5	11	TT vật tư, nhân công	2.500.000.000	09/09/24
6	49HM.042/2022 /153289/HĐTD	2.921.951.344	8,50	11	TT vật tư, nhân công	2.921.951.344	16/09/23
Tổng cộng		78.431.794.101				78.312.342.590	

2. Thay đổi:

ĐVT: Đồng

I Ngân hàng BIDV - Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD							
STT	Số hiệu tài khoản vay	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	402001256046	1.014.314.414	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.014.314.414	12/03/25
2	403001317344	4.509.457.558	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	4.509.457.558	24/03/25
3	405001317345	2.500.000.000	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	2.500.000.000	24/03/25
4	400001308249	1.893.738.696	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.893.738.696	24/03/25
5	407001333738	1.090.758.131	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.090.758.131	26/03/25
6	402001335911	3.900.000.000	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	3.900.000.000	26/03/25
7	409001365786	4.807.538.169	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	4.807.538.169	07/04/25
8	401001395194	6.405.332.911	7,7	11	TT tiền vật tư, nhân công	6.405.332.911	10/04/25
II Ngân hàng VRB							
STT	Số hợp đồng	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	12HM.023/2023 /153289/HĐTD	1.173.555.667	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.173.555.667	10/03/25
2	13HM.023/2023 /153289/HĐTD	2.076.079.357	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	2.076.079.357	11/03/25
3	14HM.023/2023 /153289/HĐTD	1.605.322.436	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.605.322.436	19/03/25
4	15HM.023/2023 /153289/HĐTD	5.018.875.846	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	5.018.875.846	07/04/25

5	16HM.023/2023 /153289/HĐTD	2.909.061.631	7,4	11	TT tiền vật tư, nhân công	2.909.061.631	15/04/25
6	17HM.023/2023 /153289/HĐTD	1.873.450.705	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.873.450.705	17/04/25
7	18HM.023/2023 /153289/HĐTD	7.379.027.912	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	7.379.027.912	21/04/25
8	19HM.023/2023 /153289/HĐTD	3.257.284.107	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	3.257.284.107	22/04/25
9	20HM.023/2023 /153289/HĐTD	829.089.547	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	829.089.547	23/04/25
10	21HM.023/2023 /153289/HĐTD	1.395.590.049	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	1.395.590.049	28/04/25
11	22HM.023/2023 /153289/HĐTD	7.293.195.726	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	7.293.195.726	29/04/25
12	23HM.023/2023 /153289/HĐTD	4.139.565.740	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	4.139.565.740	12/05/25
13	24HM.023/2023 /153289/HĐTD	4.468.817.563	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	4.468.817.563	12/05/25
14	25HM.023/2023 /153289/HĐTD	3.704.963.058	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	3.704.963.058	12/05/25
15	26HM.023/2023 /153289/HĐTD	5.238.252.669	8,0	11	TT tiền vật tư, nhân công	5.067.323.367	14/05/25
Tổng cộng		78.483.271.892				78.312.342.590	

- Ngoài các khoản dự kiến trả nợ vay ngân hàng thay đổi như trên, các khoản dự kiến trả nợ ngân hàng khác từ nguồn tiền thu được từ đợt phát hành chào bán cổ phiếu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 không thay đổi.

Điều 3: Thông qua Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings theo quy định của pháp luật là: 50% theo công văn số 6756/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings tại ngày 25/03/2024 (ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất) là: 0,34%. Trong đợt chào bán này, cổ phiếu sẽ được chào bán cho cổ đông hiện hữu (CĐHH), do đó nếu các cổ đông thực hiện quyền thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại DC4 sẽ không thay đổi đồng nghĩa với việc DC4 vẫn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại DC4 như quy định tại công văn số 6756/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của UBCKNN nêu trên và các quy định của pháp luật.
- Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của CĐHH: tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, Công ty sẽ xác định được tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và căn cứ theo tỷ lệ đó Công ty sẽ phối hợp với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của CĐHH cho nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) để bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau chuyển nhượng quyền không vượt quá 50% theo đúng quy định pháp luật.
- Đối với trường hợp xử lý cổ phiếu chào bán không được phân phối hết (nếu có), HĐQT sẽ quyết định việc bán số cổ phiếu này cho các đối tượng khác với điều kiện đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại DC4 không vượt quá 50% theo đúng quy định pháp luật.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này, đảm bảo quyền lợi của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD;
- Lưu VT.

LÊ ĐÌNH THẮNG



**CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Đình Thắng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 10 tháng 12 năm 2024..**



Số: 26/NQ-HĐQT.NK5

Vũng Tàu, ngày 24 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Thay thế Nghị quyết HĐQT số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCCĐ.2024 ngày 26/04/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20/NQ-HĐQT.NK5 ngày 27/06/2024;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 26/BB-HĐQT.NK5 ngày 24/10/2024 về việc thay thế Nghị quyết HĐQT số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Căn cứ Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHCĐ số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024, căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn của Công ty tính đến thời điểm ngày 30/09/2024 và được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí thông qua Chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến như sau:

Trả nợ Ngân hàng: 200.000.000.000 đồng, trong đó:

- Trả nợ ngân hàng BIDV: 118.569.018.728 đồng.
- Trả nợ ngân hàng VRB: 81.430.981.272 đồng.

DVT: Đồng

I Ngân hàng BIDV - Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2023/601139/HĐTD							
ST T	Số hiệu tài khoản vay	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	403000819378	6.255.762.560	8,5	11	TT vật tư, nhân công	3.289.951.523	09/12/24
2	405000846337	5.492.984.227	8,5	11	TT vật tư, nhân công	5.492.984.227	12/12/24
3	406000950058	5.266.467.133	7,7	11	TT vật tư, nhân công	5.266.467.133	02/01/25
4	401000973428	2.923.923.656	7,7	11	TT vật tư, nhân công	2.923.923.656	06/01/25
5	408000979100	1.000.000.000	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.000.000.000	07/01/25
6	401000979101	3.242.629.081	7,7	11	TT vật tư, nhân công	3.242.629.081	07/01/25
7	407000980709	5.444.387.531	7,7	11	TT vật tư, nhân công	5.444.387.531	07/01/25
8	408001049754	1.139.279.606	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.139.279.606	04/02/25
9	403001047325	1.939.065.073	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.939.065.073	04/02/25

10	405001056003	1.639.244.874	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.639.244.874	05/02/25
11	402001110119	3.446.277.584	7,7	11	TT vật tư, nhân công	3.446.277.584	17/02/25
12	405001110586	750.000.000	7,7	11	TT vật tư, nhân công	750.000.000	17/02/25
13	406001146474	990.599.422	7,7	11	TT vật tư, nhân công	990.599.422	24/02/25
14	408001146475	1.763.767.501	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.763.767.501	24/02/25
15	406001186058	4.731.095.662	7,7	11	TT vật tư, nhân công	4.731.095.662	28/02/25
16	402001178616	21.391.105.368	7,7	11	TT vật tư, nhân công	21.391.105.368	28/02/25
17	402001256046	1.014.314.414	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.014.314.414	12/03/25
18	403001317344	4.509.457.558	7,7	11	TT vật tư, nhân công	4.509.457.558	24/03/25
19	405001317345	2.500.000.000	7,7	11	TT vật tư, nhân công	2.500.000.000	24/03/25
20	400001308249	1.893.738.696	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.893.738.696	24/03/25
21	407001333738	1.090.758.131	7,7	11	TT vật tư, nhân công	1.090.758.131	26/03/25
22	402001335911	3.900.000.000	7,7	11	TT vật tư, nhân công	3.900.000.000	26/03/25
23	409001365786	4.807.538.169	7,7	11	TT vật tư, nhân công	4.807.538.169	07/04/25
24	401001395194	6.405.332.911	7,7	11	TT vật tư, nhân công	6.405.332.911	10/04/25
Ngân hàng BIDV - Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD							
25	402001717189	1.844.652.638	7,8	11	TT vật tư, nhân công	1.844.652.638	12/06/2025
26	405001730150	5.906.605.251	7,8	11	TT vật tư, nhân công	5.906.605.251	16/06/2025
27	407001724117	2.295.982.051	7,8	11	TT vật tư, nhân công	2.295.982.051	16/06/2025
28	407001743334	10.227.402.180	7,8	11	TT vật tư, nhân công	10.227.402.180	19/06/2025
29	409001821172	3.023.874.959	7,8	11	TT vật tư, nhân công	3.023.874.959	07/07/2025
30	408001815970	4.698.583.529	7,8	11	TT vật tư, nhân công	4.698.583.529	07/07/2025
Tổng		121.534.829.765				118.569.018.728	
II	Ngân hàng VRB						
ST T	Số hợp đồng	Giá trị khoản vay	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (tháng)	Mục đích vay	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Thời hạn dự kiến trả nợ
1	02HM.023/2023/153289/HĐTD	4.954.499.263	8,0	11	TT vật tư, nhân công	4.954.499.263	31/12/24
2	01HM.023/2023/153289/HĐTD	1.290.506.472	8,0	11	TT vật tư, nhân công	1.290.506.472	02/01/25
3	03HM.023/2023/153289/HĐTD	2.200.794.968	8,0	11	TT vật tư, nhân công	2.200.794.968	02/01/25
4	04HM.023/2023/153289/HĐTD	1.223.683.994	8,0	11	TT vật tư, nhân công	1.223.683.994	06/01/25
5	05HM.023/2023/153289/HĐTD	5.000.000.000	8,0	11	TT vật tư, nhân công	5.000.000.000	06/01/25
6	06HM.023/2023/153289/HĐTD	2.340.309.888	7,6	11	TT vật tư, nhân công	2.340.309.888	03/02/25
7	07HM.023/2023/153289/HĐTD	2.605.511.340	7,6	11	TT vật tư, nhân công	2.605.511.340	03/02/25

8	08HM.023/2023/ 153289/HĐTD	771.613.925	7,6	11	TT vật tư, nhân công	771.613.925	05/02/25
9	09HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.781.975.909	7,6	11	TT vật tư, nhân công	1.781.975.909	06/02/25
10	10HM.023/2023/ 153289/HĐTD	3.722.902.998	7,4	11	TT vật tư, nhân công	3.722.902.998	13/02/25
11	11HM.023/2023/ 153289/HĐTD	3.347.979.804	7,4	11	TT vật tư, nhân công	3.347.979.804	17/02/25
12	12HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.173.555.667	7,4	11	TT vật tư, nhân công	1.173.555.667	10/03/25
13	13HM.023/2023/ 153289/HĐTD	2.076.079.357	7,4	11	TT vật tư, nhân công	2.076.079.357	11/03/25
14	14HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.605.322.436	7,4	11	TT vật tư, nhân công	1.605.322.436	19/03/25
15	15HM.023/2023/ 153289/HĐTD	5.018.875.846	7,4	11	TT vật tư, nhân công	5.018.875.846	07/04/25
16	16HM.023/2023/ 153289/HĐTD	2.909.061.631	7,4	11	TT vật tư, nhân công	2.909.061.631	15/04/25
17	17HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.873.450.705	8,0	11	TT vật tư, nhân công	1.873.450.705	17/04/25
18	18HM.023/2023/ 153289/HĐTD	7.379.027.912	8,0	11	TT vật tư, nhân công	7.379.027.912	21/04/25
19	19HM.023/2023/ 153289/HĐTD	3.257.284.107	8,0	11	TT vật tư, nhân công	3.257.284.107	22/04/25
20	20HM.023/2023/ 153289/HĐTD	829.089.547	8,0	11	TT vật tư, nhân công	829.089.547	23/04/25
21	21HM.023/2023/ 153289/HĐTD	1.395.590.049	8,0	11	TT vật tư, nhân công	1.395.590.049	28/04/25
22	22HM.023/2023/ 153289/HĐTD	7.293.195.726	8,0	11	TT vật tư, nhân công	7.293.195.726	29/04/25
23	23HM.023/2023/ 153289/HĐTD	4.139.565.740	8,0	11	TT vật tư, nhân công	4.139.565.740	12/05/25
24	24HM.023/2023/ 153289/HĐTD	4.468.817.563	8,0	11	TT vật tư, nhân công	4.468.817.563	12/05/25
25	25HM.023/2023/ 153289/HĐTD	3.704.963.058	8,0	11	TT vật tư, nhân công	3.704.963.058	12/05/25
26	26HM.023/2023/ 153289/HĐTD	5.238.252.669	8,0	11	TT vật tư, nhân công	5.067.323.367	14/05/25
Tổng		81.601.910.574				81.430.981.272	
III	Tổng cộng (I+II)	200.170.929.302				200.000.000.000	

Đến thời điểm giải ngân số tiền thu được từ đợt chào bán, các khoản vay ngân hàng trong danh sách nêu trên nếu đã được thanh toán (không còn nợ), HĐQT Công ty sẽ quyết định sử dụng số tiền thu được dự kiến trả nợ cho các khoản vay ngân hàng này để thanh toán cho các khoản vay ngân hàng phát sinh khác trong cùng Hợp đồng tín dụng.

Trả nợ Khách hàng: 88.748.470.000 đồng, trong thời gian Quý IV/2024 – Quý I/2025.

ĐVT: Đồng

STT	Khách hàng	Giá trị khoản nợ	Số tiền thu được từ chào bán CP dự kiến sử dụng trả nợ	Mối quan hệ với DC4
-----	------------	------------------	-----------------------------------------------------------	------------------------

1	CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng Bê Tông	30.166.632.187	30.000.000.000	-
2	CTCP Phát triển và Kinh doanh Nhà	28.044.861.500	28.000.000.000	Cổ đông lớn
3	Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất An Huy	3.134.044.957	3.000.000.000	-
4	Công ty TNHH TM DV ĐT Trung Nguyễn	3.483.736.697	3.000.000.000	-
5	CTCP Siêu Thanh	7.702.848.467	7.000.000.000	-
6	Công ty TNHH Nghĩa Thành	1.997.899.850	1.259.362.910	-
7	CTCP Vật liệu Xây dựng DIC (*)	16.489.107.090	16.489.107.090	Công ty con
Tổng cộng		91.019.130.748	88.748.470.000	

(*): Thanh toán cho CTCP Vật liệu Xây dựng DIC theo HĐ số 01/HĐTDNH/2022 ngày 12/09/2022.

Điều 2: Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của CTCP Xây dựng DIC Holdings bao gồm nhưng không giới hạn:

- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản cáo bạch (đính kèm Quyết định ủy quyền số 04/2024/QĐUQ-CT.HĐQT ngày 06/09/2024 của Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Funan ủy quyền cho Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Đoàn Thùy ký);
- Điều lệ Công ty;
- Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất các năm 2022, 2023; BCTC Riêng và Hợp nhất quý 1/2024; BCTC Riêng và Hợp nhất bán niên năm 2024 đã soát xét;
- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2022 thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024;
- Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 số 01/BB-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024;
- Tờ trình số 05/TT-ĐHCĐ.2024 ngày 26/04/2024 về Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024 về việc triển khai thực hiện Phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ năm 2024, thông qua Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 và Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Biên bản họp HĐQT số 17/BB-HĐQT.NK5 ngày 09/05/2024;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 20/NQ-HĐQT.NK5 ngày 27/06/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Biên bản họp HĐQT số 20/BB-HĐQT.NK5 ngày 27/06/2024
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024 về việc chỉnh sửa Mục đích và Phương án sử dụng vốn thu được từ Đợt chào bán cổ phiếu;
- Biên bản họp HĐQT số 24/BB-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 26/NQ-HĐQT.NK5 ngày 24/10/2024 về việc thay thế Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024;
- Biên bản họp HĐQT số 26/BB-HĐQT.NK5 ngày 24/10/2024;

- Văn bản cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Văn bản xác nhận của ngân hàng số 1165/BIDV.BRVT ngày 26/06/2024 về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
- Công văn số 6756/UBCK-PTTT ngày 28/10/2021 của UBCKNN về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của Công ty cổ phần Xây dựng DIC Holdings;
- Hợp đồng tư vấn phát hành thêm cổ phiếu số 01/2024/HĐDV/DC4-FNS ngày 08/04/2024 (đính kèm Quyết định ủy quyền số 01/2024/QĐUQ-TGD ngày 31/01/2024 của Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Funan ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc Trần Đình Khánh ký);
- Các tài liệu liên quan chứng minh sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết HĐQT số 24/NQ-HĐQT.NK5 ngày 04/10/2024. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này, đảm bảo quyền lợi của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.



LÊ ĐÌNH THẮNG



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS

(Ban hành lần đầu : ngày 15/01/2005
Sửa đổi, bổ sung lần thứ 16 : ngày 10/12/2024)

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH & HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	9
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản lý Công ty	9
Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	21
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	25
Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch HĐQT	30
Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	31
Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	33
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	34

Điều 32. Người điều hành Công ty.....	35
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	35
Chương IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán	36
Điều 35. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	36
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	37
Điều 37. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	37
Điều 38. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	38
Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	39
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	39
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	40
Điều 41. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	40
Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	41
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn.....	41
Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
Điều 43. Phân phối lợi nhuận	42
Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ...	43
Điều 44. Tài khoản ngân hàng.....	43
Điều 45. Năm tài chính.....	43
Điều 46. Chế độ kế toán	43
Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	43
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	44
Điều 48. Báo cáo thường niên	44
Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 49. Kiểm toán.....	44
Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	44
Điều 50. Dấu của doanh nghiệp	45
Chương XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	45
Điều 51. Giải thể công ty.....	45
Điều 52. Thanh lý	45
Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	46
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	47
Điều 54. Điều lệ công ty.....	47
Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	47
Điều 55. Ngày hiệu lực.....	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và thay thế Điều lệ đã được thông qua ngày 12 tháng 06 năm 2023.

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “*Vốn điều lệ*” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) “*Luật doanh nghiệp*” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

d) “*Luật chứng khoán*” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

e) “*Việt nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f) “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings

g) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

h) “*Người điều hành doanh nghiệp*” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh điều hành khác;

i) “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và cá nhân giữ chức danh quản lý khác;

j) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

k) “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

l) “*Cổ đông lớn*” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

n) “*Sở giao dịch chứng khoán*” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: DIC Holdings Construction JSC
- Tên Giao dịch: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings
- Tên Công ty viết tắt: DICcons

2. DICcons là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Ruby Tower – Số 12, Đường 3 tháng 2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Điện thoại : (0254) 3613518
- Fax : (0254) 3585070
- E-mail : info@diccons.vn
- Website : www.diccons.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 51, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập (28/01/2005).

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại gây ra cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm :

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
- Trung thành với lợi ích của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH & HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty :

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, nhà cao tầng, công trình cơ sở hạ tầng đô thị	4299 (Chính)
2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Lập và thẩm định dự án; Kiểm định công trình xây dựng	7120
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Chi tiết: Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, xây dựng nhà ở để bán, cho thuê văn phòng; Đầu tư xây dựng và quản lý nhà chung cư	6810
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công trình dân dụng và công nghiệp; Quản lý dự án xây dựng; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình; Khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật – dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình; Tư vấn lập và đánh giá hồ sơ mời thầu, dự thầu; Quản lý vận hành chung cư;	7110
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công, lắp đặt các sản phẩm cơ khí xây dựng; Mạ kẽm, mạ màu, sơn tĩnh điện	2592
7	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho, bãi	5210
8	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi để san lấp mặt bằng cho các công trình dân dụng, công nghiệp và nền đường.	0810

9	Sản xuất sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất cửa nhựa, cửa gỗ cao cấp	1629
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị phục vụ cho đầu tư và xây dựng	4663
11	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
12	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất cửa kim loại	2599
13	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
14	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý nhà chung cư	6820
15	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
16	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công	7730
17	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông thủy lợi	4212
18	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây và trạm biến thế điện	4221
19	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng hệ thống cấp thoát nước	4222
20	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
21	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công các hạng mục phòng cháy chữa cháy cho các công trình dân dụng, công nghiệp	4329

22	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Thi công cấp dự ứng lực; Nạo vét luồng lạch	4390
23	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây gia vị hàng năm; Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm; Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
24	Trồng cây ăn quả Chi tiết: Trồng nho; Trồng cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới; Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác; Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo; Trồng nhãn, vải, chôm chôm; Trồng cây ăn quả khác	0121
25	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm; Trồng cây lâu năm khác còn lại	0129
26	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
27	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, nhà nghỉ có kinh doanh du lịch; Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng.	5510
28	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn (rượu, bia); Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
29	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;	5610
30	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia, quầy bar; Quán cà phê, giải khát; Dịch vụ phục vụ đồ uống khác.	5630

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Trở thành nhà thầu xây lắp có uy tín và thương hiệu mạnh tại khu vực Đông Nam Bộ và cả nước, có đủ khả năng tham gia nhận thầu, tổng thầu các công

trình có giá trị hàng ngàn tỷ đồng và là nhà đầu tư các dự án bất động sản, khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản du lịch.

- Tập trung phát triển 4 lĩnh vực ngành nghề cốt lõi là: Thi công xây lắp; Đầu tư; Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất cửa.
- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất – kinh doanh theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có hàm lượng trí tuệ cao; nâng cao uy tín, vị thế và phát triển thương hiệu DICcons.
- Tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.
- Tăng thu nhập cho người lao động, góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế, an sinh xã hội.
- Các mục tiêu khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi, bổ sung.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là : **577.492.670.000** đồng (Năm trăm bảy mươi bảy tỷ, bốn trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành 57.749.267 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này;

4. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

8. Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ. Các công ty con của cùng một Công ty mẹ không được góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn theo điều khoản phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây :

a) Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại sổ phiếu mới.

c) Thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản lý công ty

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị; Ủy ban kiểm toán
3. Tổng giám đốc.

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện

quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc trực tuyến, hoặc gửi thư đảm bảo. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp.

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông; Kiến

nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải được ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Nhóm cổ đông khi thực hiện quyền này phải cung cấp cho Công ty biên bản họp đề cử ứng cử viên có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan.

Số lượng người được đề cử vào Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau :
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để

thực hiện một trong các hành vi sau đây :

- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán (Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan)
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần.
- e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau :

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty

b) Số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 24.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên HĐQT độc lập còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 24 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể đề nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan khác theo quy định của pháp luật có thẩm quyền giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại (không bao gồm chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông)

c) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 điều 16 Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, bộ phận giúp việc của HĐQT;
 - l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau :
- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT; Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập;
 - d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; trích lập các quỹ của Công ty.
 - g) Số lượng thành viên HĐQT;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.

- n) Chia tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35 % tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với những đối tượng sau :
 - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- s) Chấp thuận các giao dịch :
 - Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
 - Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - + Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - + Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - + Doanh nghiệp mà Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; hoặc những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
 - Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51%

tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

t) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

u) Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15 . Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc gửi fax, thư điện tử;

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây :

a) Người được ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị ;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (5%) phần trăm số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm (5%) phần trăm cổ phần phổ thông trở lên;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi (50%) phần trăm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) phần trăm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong

thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu/thẻ tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự

định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 19. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Trừ mục 1 điều này và:

- a) Nghị quyết về nội dung bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội

đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ thành viên có số bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có 2 thành viên có cùng số phiếu bầu như trong cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử có số phiếu bầu ngang nhau.

b) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tất cả các nội dung khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản

kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông/Nghị quyết Đại hội phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp/Nghị quyết phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày

khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau :

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử, ứng cử tối đa một (01) ứng viên.
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 30% đến 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử, ứng cử tối đa hai (02) ứng viên.
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 40% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử, ứng cử tối đa ba (03) ứng viên.
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử, ứng cử tối đa bốn (04) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên vẫn không đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau :

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liên trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 5 đến 7 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các

thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Phải có ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán trong thời hạn 12 tháng; Quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.

- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Phó Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó Chủ tịch HĐQT do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay thế Chủ tịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên HĐQT bầu một trong số các thành viên còn lại giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ

trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị .

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị ;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật .

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các trưởng phòng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh điều hành khác.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- d) Kiến nghị số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm. Đề xuất mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành để Hội đồng quản trị phê duyệt. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Trước ngày 25/12 hàng năm trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.
- k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 35. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 37. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 38. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Cổ tức được thanh toán đầy đủ trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác (nếu có) từ lợi nhuận của Công ty.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp .
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 50. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty .
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 51. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên được chia cho các cổ đông.

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Điều lệ công ty

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

- Bản điều lệ này gồm 21 chương, 55 điều được thông qua sửa đổi, bổ sung ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings, số 12 đường 3 tháng 2, Phường 8, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Đình Thắng